



NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ THỊ THỰC CỦA LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Thượng úy, ThS. Trần Xuân Khánh *

Thượng úy, CN. Vũ Văn Hữu **

Tóm tắt nội dung: Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật XNC năm 2014) được Văn phòng Chủ tịch nước tổ chức họp báo công bố ngày 10/7/2014, có hiệu lực từ ngày 1/1/2015. Theo luật này, thị thực không được chuyển đổi mục đích và mở rộng phạm vi, đối tượng được cấp thị thực với từng ký hiệu khác nhau nhằm bảo đảm công tác quản lý, khắc phục tình trạng người nước ngoài xin vào Việt Nam du lịch sau đó làm việc tại các công trình, dự án như thời gian qua. Qua nghiên cứu nội dung Luật XNC năm 2014 và phân tích, so sánh đối chiếu với Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2000 (Pháp lệnh XNC năm 2000). Sau đây, bài viết giới thiệu quy định mới của Luật XNC năm 2014 về thị thực.

Luật XNC năm 2014 được quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ bảy – Quốc hội khóa XIII gồm 9 chương và 55 điều (tăng 2 chương và tăng 23 điều so với Pháp lệnh NXC năm 2000) có hiệu lực từ ngày 1/1/2015. Các giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực còn thời hạn được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trong giấy tờ đó.

Luật XNC năm 2014 lần đầu tiên đưa vào một cách đầy đủ và toàn diện về vấn đề thị thực. Điều này là quả kết tất yếu trong thực hiện đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế với phương châm “Việt Nam là bạn, là đối tác đáng tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế”. Mặt khác, kết quả này có được do sự phối hợp quản lý người nước ngoài của các Bộ, cơ quan, ban ngành; cùng với sự nỗ lực của các lực lượng, các cấp Công an (trong đó có lực lượng xuất nhập cảnh) và sự hỗ trợ của nhân dân đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo tiền đề phát triển kinh tế đất nước, làm cho bạn bè quốc tế ngày càng

tin tưởng Việt Nam là điểm đến thực sự an toàn, thân thiện.

Sau chương I những quy định chung là Chương quy định về thị thực. Đây là một điểm mới thể hiện tầm quan trọng của thị thực trong công tác quản lý người nước ngoài tại Việt Nam. (Trong Pháp lệnh XNC năm 2000 quy định tại chương II “Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh” – tên chương không nêu cụ thể thị thực). Đây là một bước đáng kể trong công tác quản lý người nước ngoài tại Việt Nam, là nền tảng tạo nên hành lang pháp lý và điều kiện thống nhất cho công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài từ trung ương đến địa phương, gắn trách nhiệm các ngành, các cấp, các lực lượng, cá nhân trong công tác quản lý người nước ngoài; tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài đến Việt Nam nhưng cũng kiên quyết, xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức lợi dụng sự thông thoáng về thủ tục nhập cảnh

* Giáo viên Khoa QLHC về TTXH,
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

** Bộ môn Ngoại ngữ,
Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND.



làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.

Theo khoản 11, điều 3, chương I của Luật XNC năm 2014: “*Thị thực là loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, cho phép người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam*”. Những nội dung mới đáng chú ý của thị thực là quy định giá trị sử dụng, hình thức của thị thực; quy định thị thực có các ký hiệu khác nhau, thời hạn của các loại thị thực này; các trường hợp miễn thị thực, điều kiện đơn phương miễn thị thực.... Pháp lệnh XNC năm 2000 nội dung của thị thực được quy định chưa cụ thể, không có quy định rõ các loại thị thực và thời hạn sử dụng các loại thị thực, công dân người nước có quyền chuyển đổi mục đích sử dụng của thị thực; vì thế tạo nên tình trạng người nước lợi dụng du lịch vào Việt Nam nhưng sau đó ở lại làm việc gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong công tác quản lý.

Tuy nhiên, để khắc phục những thiếu sót trên Luật XNC năm 2014 quy định rất cụ thể và chi tiết về nội dung của thị thực từ điều 7 đến điều 19 thuộc chương II của Luật này.

Pháp lệnh XNC năm 2000 quy định thị thực Việt Nam có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam. Luật XNC năm 2014 quy định cụ thể, rõ ràng hơn tại điều 7: “*thị thực có giá trị một lần hoặc nhiều lần và không được chuyển đổi mục đích; thị thực được cấp riêng cho từng người, trừ trường hợp trẻ em dưới 14 tuổi được cấp chung hộ chiếu với cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ; thị thực được cấp vào hộ chiếu hoặc cấp rời*”. Quy định mới này sẽ khắc phục được tình trạng một số đối tượng, doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng về thủ tục, điều kiện cấp thị thực cho người nước ngoài, sử dụng tư cách pháp nhân để bảo lãnh cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động trái pháp luật, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội như: lừa đảo, kinh doanh bất hợp pháp...

Pháp lệnh XNC năm 2000 quy định các

ký hiệu trong hệ thống thị thực của Việt Nam chưa đáp ứng nhu cầu thống kê và tình hình thực tế, chẳng hạn như: đầu những năm 2000, ở Việt Nam không có lao động phổ thông người nước ngoài nên không có quy định riêng về ký hiệu thị thực cho đối tượng này, hiện nay xuất hiện hàng ngàn lao động phổ thông người nước ngoài nên công tác thống kê phân loại gặp khó khăn. Pháp lệnh XNC quy định đối tượng, thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài: người nước ngoài thực hiện các dự án đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác với các cơ quan, tổ chức Việt Nam được cấp thị thực nhiều lần đến 12 tháng (kể cả nhân thân ruột thịt sống cùng); khách du lịch theo chương trình, người vào gấp để xử lý sự cố kỹ thuật, dự tang lễ được cấp thị thực tại cửa khẩu.

Một điểm mới đáng chú ý và được ghi nhận trong Luật là đã quy định 20 diện tổ chức, công dân được cấp thị thực tăng gấp đôi so với Nghị định 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh XNC của người nước ngoài tại Việt Nam. Luật XNC năm 2014 đã mở rộng phạm vi và thời gian cho từng loại thị thực, không dừng lại việc cấp thị thực 1 lần hoặc nhiều lần cùng với thời gian là không quá 12 tháng. Luật mới quy định các ký hiệu thị thực và thời hạn của thị thực tại điều 8 và điều 9 nhằm tạo thuận lợi trong công tác quản lý, phân loại và thống kê thị thực của cơ quan chức năng. Luật XNC năm 2014 đã quy định rất cụ thể từng diện tổ chức, công dân nước ngoài được cấp thị thực vào Việt Nam với 20 ký hiệu thị thực khác nhau; và thời hạn cụ thể cho từng loại thị thực: tối thiểu là 30 ngày đối với những người nước ngoài có thị thực ký hiệu SQ - nhu cầu nhập cảnh Việt Nam khảo sát thị trường, du lịch, thăm người thân, chữa bệnh; thời hạn tối đa là 05 năm đối với những người nước ngoài có thị thực ký hiệu ĐT - Cấp cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

Pháp lệnh XNC năm 2000 không quy định cụ thể các trường hợp được miễn thị thực;



chỉ quy định người quá cảnh được miễn thị thực; nếu có nhu cầu kết hợp vào Việt Nam tham quan, du lịch, thì được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an giải quyết theo Quy chế do Bộ Công an ban hành. Luật XNC năm 2014 quy định người nước ngoài nhập cảnh theo diện miễn thị thực. Miễn thị thực gồm có hai hình thức gồm miễn thị thực song phương và đơn phương miễn thị thực. Luật đã quy định cụ thể các trường hợp miễn thị thực tại điều 12. Nội dung của điều luật này là giữ nguyên các nội dung các văn bản pháp luật trước đó do Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao... ban hành như: “theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú; vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ hoặc người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ”.

Bên cạnh đó, điều 13 của Luật XNC năm 2014 còn quy định một nội dung mới rất quan trọng, đó là các trường hợp đơn phương miễn thị thực. Quyết định đơn phương miễn thị thực cho công dân của một nước phải có đủ các điều kiện sau đây: “Có quan hệ ngoại giao với Việt Nam; phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của Việt Nam trong từng thời kỳ; không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam”. Ngoài ra, quyết định đơn phương miễn thị thực có thời hạn không quá 05 năm và được xem xét gia hạn. Quyết định đơn phương miễn thị thực bị hủy bỏ nếu không đủ 3 điều kiện quy định như trên. Chính phủ quyết định đơn phương miễn thị thực có thời hạn đối với từng nước.

Các trường hợp đơn phương miễn thị thực: Pháp lệnh không có quy định, chỉ có một số văn bản pháp luật của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an quy định như: Thông tư số 04 /2002/

TTLT/BCA-BNG ngày 29/01/2002 của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam: Quan chức, viên chức Ban Thư ký ASEAN, công dân các nước Asian (trừ Myanmar) được miễn thị thực Việt Nam với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày, không phân biệt họ mang hộ chiếu gì); Quyết định 808/2005/QĐ-BNG của Bộ Ngoại giao ngày 13/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao v/v ban hành Quy chế về miễn thị thực đối với công dân các nước Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển...

Quy định mới này được ghi nhận là một bước tiến bộ quan trọng vì khi Luật này có hiệu lực vào 1/1/2015 thì chúng ta sẽ xem xét lại toàn bộ các văn bản Luật về đơn phương miễn thị thực mà Bộ Công an, Bộ Ngoại giao đã ban hành xem có phù hợp với Luật không; để từ đó giải quyết tình trạng hiện nay là các công dân người nước ngoài lợi dụng việc thỏa thuận đơn phương miễn thị thực của Việt Nam đang có hiệu lực cho công dân mang hộ chiếu phổ thông của 7 nước (Hàn Quốc, Nhật Bản, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Nga) và công dân các nước Asian (trừ Myanmar); một số người nước ngoài đã lợi dụng việc này nhằm thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật (phát tán tài liệu phản động, truyền đạo trái phép). Một số công ty du lịch nước ngoài như Hàn Quốc thao túng thị trường du lịch trong nước, tổ chức tour đưa sang Việt Nam và thuê người Hàn Quốc làm hướng dẫn viên, có những thông tin họ tuyên truyền, cung cấp cho du khách mà chúng ta không quản lý được, thậm chí những giá trị lịch sử, văn hóa bị tuyên truyền sai lệch... Mặt khác, chúng ta sẽ có giải pháp xử lý hiệu quả hơn đối với vi phạm của những công dân người nước ngoài nhập cảnh miễn thị thực đơn phương (15 ngày) khi vào khu kinh tế cửa khẩu đã quá hạn tạm trú mà không được các cơ quan, tổ chức nào bảo lãnh và từ đó tìm cách đối phó với cơ



quan chức năng như: thay đổi chỗ ở, không khai báo tạm trú....

Luật XNC năm 2014 thay thế thị thực D bằng cơ chế giao chuyên chủ động cho người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực có giá trị không quá 30 ngày và phải thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Trước đây, Nghị định số 21 hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh và Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT/BCA-BNG của Bộ ngoại giao và Bộ công an ban hành ngày 29/01/2002 và được sửa đổi, bổ sung 2012 chỉ quy định cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực D (có thời hạn 15 ngày) cho người xin nhập cảnh không có cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam mời. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể là trong những trường hợp nào, thì tại khoản 3, điều 17 của Luật XNC năm 2014 đã quy định “cho người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam khảo sát thị trường, du lịch, thăm người thân, chữa bệnh thuộc các trường hợp sau : người có quan hệ công tác với cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực Việt Nam ở nước ngoài và vợ, chồng, con của họ hoặc người có văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền Bộ Ngoại giao nước sở tại; người có công hàm bảo lãnh của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự các nước đặt tại nước sở tại”.

Quy định mới này sẽ là nền tảng để các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài có cách hiểu, triển khai chung và thống nhất; khắc phục tình trạng người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực D một cách tràn lan (chủ yếu các nước Châu phi) với mục đích tìm kiếm việc làm, cư trú trái phép, hoạt động vi phạm pháp luật (cuớp giật, buôn bán ma túy, tìm đường đi nước thứ 3) gây mất trật tự an toàn xã hội và khó khăn trong việc xử lý do không có cơ quan, tổ chức ở Việt Nam bảo lãnh, nhiều trường hợp không có giấy tờ tùy thân... Bên cạnh đó, khi Luật này có hiệu lực chúng ta sẽ tránh được vấn

đề một số khách nước ngoài không đủ điều kiện nhập cảnh sẽ phản ứng, kiện cáo vì trước đây một số cơ quan đại diện cấp thị thực D đã không giải thích rõ các quy định về nhập cảnh do có cách hiểu khác nhau và không đúng về một số văn bản hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Ngoại giao chỉ giải quyết cho người có thị thực D nhập cảnh phải đáp ứng các điều kiện sau: có vé khứ hồi, nếu đi tiếp nước thứ 3 thì phải xuất trình thị thực hoặc giấy tờ có giá trị nhập cảnh nước thứ 3 và phải có ngoại tệ mạnh bằng tiền mặt hoặc séc tương đương 1.000 USD.

Ngoài ra, Luật XNC năm 2014 còn quy định thêm về trường hợp cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế: “Thuyền viên nước ngoài đang ở trên tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam có nhu cầu xuất cảnh qua cửa khẩu khác” và một số quy định khác như các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép mời, bảo lãnh người nước ngoài vào Việt Nam; thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh tại cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh; thủ tục cấp thị thực tại: cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài, cửa khẩu quốc tế, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao...

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, những quy định mới về thị thực trong Luật XNC năm 2014 tạo nên hành lang pháp lý quan trọng và là cơ sở để chúng ta tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua. Luật XNC năm 2014 đã thống nhất với các văn bản pháp luật của các Bộ, Ngành ban hành sau 2000; góp phần phục vụ đắc lực cho đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, giữ vững an ninh chính trị và phát triển kinh tế của đất nước./